

Bản án số: 103/2019/HS-ST
Ngày 21-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 04 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 và số 798/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Thu H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1981 tại Hà Nội. Nơi ĐKNKTT: Số 21/762 BĐ, phường BĐ, quận HBT, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 90 Đại lộ TĐT, xã AĐ, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị D; có chồng là Bùi Ngọc K1 (đã ly hôn) và 04 con (con lớn sinh năm 2005; con nhỏ nhất sinh ngày 21/3/2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 01 tiền án đã được xóa (Án số 287/2012/HSST ngày 15/6/2012 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” – đã thi hành xong phần án phí, tiền phạt và phần hình phạt ngày 15/6/2016) bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/7/2018 đến ngày 02/8/2018 chuyển tạm giam, ngày 21/9/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

2. Trần Khánh C, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 21/220 VK, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trần Hữu Đ và bà Đoàn Thị C5; có chồng là Trần Văn Tuấn và 02 con (con nhỏ nhất sinh ngày 29/9/2014); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, **tạm giữ từ ngày 24/7/2018 đến ngày 02/8/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú**; có mặt.

3. Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 289 LB, phường LS, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 1/23/32/430 TNH, phường NN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Hoa (Hán); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Ngọc T5; có chồng là Nguyễn Minh Đ2 và 02 con (con nhỏ nhất sinh ngày 01/12/2013); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/7/2018 đến ngày 02/8/2018 chuyển tạm giam, ngày 21/9/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

Những người làm chứng:

Nguyễn Bá P, Phan Đức T1, Đồng Tiến D, Nguyễn Quang P1, Nguyễn Văn H1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/7/2018, Cơ quan An ninh điều tra – CATP Hải Phòng phát hiện được nguồn tin đối tượng Trần Thị Thu H, sinh năm 1981, chỗ ở: số 90 Đại lộ TĐT, xã AĐ, huyện AD, Hải Phòng có hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). Giúp sức cho H trong việc mua bán hóa đơn GTGT là Trần Khánh C sinh năm 1985, chỗ ở: số 21/220 VK, HB, Hải Phòng và Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1985, chỗ ở: 25/34/430 TNH, LC, Hải Phòng.

Ngày 24/7/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai, khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Trần Thị Thu H, Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thanh T, thu giữ được 18 bộ con dấu của 18 công ty; 256 quyển hóa đơn GTGT; 07 chữ ký số; 04 dấu chữ ký; 01 máy tính xách tay cùng nhiều chứng từ ngân hàng phục vụ hành vi phạm tội.

Ngày 25/7/2018, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thị Thu H, Trần Khánh C và Nguyễn Thị Thanh T. Tài liệu điều tra xác định được từ tháng 4/2011 đến tháng 3/2017, Trần Thị Thu H đã thuê một số đối tượng tìm người đứng tên giám đốc, tìm thuê trụ sở thành lập 24 công ty để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

** Tháng 4, 5, 7/2011, Trần Thị Thu H đã thuê người đứng tên giám đốc, thuê trụ sở công ty, thuê 01 người phụ nữ tên Lan (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thành lập 03 công ty, gồm:*

- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Thành Sinh (công ty Thành Sinh), mã số doanh nghiệp: 0201161871, có địa chỉ trụ sở tại: số 35A/89 AD, ĐG, NQ, Hải Phòng do Nguyễn Duy T2, sinh năm 1987, ĐKHKT: số 14 NP, phường ĐG, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại vận tải Nguyễn Sinh (công ty Nguyễn Sinh), mã số doanh nghiệp: 0201153912, có địa chỉ trụ sở tại: số 189/136 NQ, MC, NQ, Hải Phòng do Nguyễn Bá P, sinh năm 1968, ĐKHKT: thôn Xuân Hưng, xã ĐH, huyện TL, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Đạt Huyền (công ty Đạt Huyền), mã số doanh nghiệp: 0201189027, có địa chỉ trụ sở tại: số 83 Phương Lưu, VM, NQ, Hải Phòng do Phạm Văn M, sinh năm 1983, ĐKHKT: số 3/104 TĐT, TNH, LC, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

** Các tháng 6, 8, 10/2011; tháng 6/2013; tháng 9,12/2014; tháng 3, 8/2015; tháng 6, 11, 12/2016; tháng 01, 3/2017, Trần Thị Thu H đã thuê người đứng tên giám đốc, thuê trụ sở công ty, thuê 01 người phụ nữ tên Thanh (chưa xác định được nhân thân, lai lịch thành) lập 21 công ty, gồm:*

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Thúy Lan (công ty Thúy Lan), mã số doanh nghiệp: 0201266105, có địa chỉ trụ sở tại: tổ dân phố TN, HĐ, ĐS, Hải Phòng do Lê Thị Phương L, sinh năm 1971, ĐKHKT: số 9/17/32/143 TĐT, AD, LC, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại vận tải và xây dựng Nam Dũng (công ty Nam Dũng), mã số doanh nghiệp: 0201275646, có địa chỉ trụ sở tại: Tổ dân phố TN, HĐ, ĐS, Hải Phòng do Phạm Thị P2, sinh năm 1991, ĐKHKT: cụm 5 thôn GP, TH,VB, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại Thái Hoàng Bảo Minh (công ty Thái Hoàng Bảo Minh), mã số doanh nghiệp: 0201278975, có địa chỉ trụ sở tại: Tổ dân phố Quyết Tiến, HĐ, ĐS, Hải Phòng do Nguyễn Duy M1 sinh năm 1981, ĐKHKT: số 4/121 CH, HN, LC, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Đầu tư phát triển và thương mại Quốc Phúc (công ty Quốc Phúc), MSDN:0201279129, có địa chỉ trụ sở tại số 26 Phương Lưu, VM, NQ, Hải Phòng do Hoàng Văn B sinh năm 1960, ĐKHKT tại số 2/44 QT, phường QT, quận HB, Hải Phòng và Trần Thị H2 sinh năm 1969, ĐKHKT: số 4/96/48 TĐT, phường TNH, LC, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Ban Mai (công ty Ban Mai), MSDN: 0201279312 có địa chỉ trụ sở tại số 9B đường NQ, MC, NQ, Hải Phòng do Phạm Văn B1, sinh năm 1989, ĐKHKT tại thôn HN, xã NĐ, huyện KT, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và đầu tư Thắng Phát (công ty Thắng Phát), mã số doanh nghiệp: 0201303170, có địa chỉ trụ sở tại: Tổ 8 ĐK, phường ĐK, quận NQ, Hải Phòng do Phan Đức T1, sinh năm 1992, ĐKHKT: số 190 CL, TL, HB, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Sáng Hường (công ty Sáng Hường), mã số doanh nghiệp: 0201572159, có địa chỉ trụ sở tại: Tổ dân phố Dân Tiến, MĐ, ĐS, Hải Phòng do Lê Việt A, sinh năm 1988, ĐKHKT: số 208/409 LL, MC, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại Cường Thao (công ty Cường Thao), mã số doanh nghiệp: 0201600977, có địa chỉ trụ sở tại: Tổ dân phố Nghĩa Sơn, MĐ, ĐS, Hải Phòng do Nguyễn Văn T2, ĐKHKT: ĐN, TT, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp Quỳnh Nga (công ty Quỳnh Nga), mã số doanh nghiệp: 0201626929, có địa chỉ trụ sở tại: 73 Phương Lưu, VM, NQ, Hải Phòng do Vũ Thị Thúy N, ĐKHKT: số 361 lô 22 Lê Hồng Phong, ĐK, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Tiến Dương (công ty Tiến Dương), mã số doanh nghiệp: 0201637896, có địa chỉ trụ sở tại: 41B PL, VM, NQ, Hải Phòng do Đồng Tiến D, sinh năm 1992, ĐKHKT: số 12 phụ A35 Công nhân Xi măng, LS, LC, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Đầu tư thương mại Phạm Cường (công ty Phạm Cường), mã số doanh nghiệp: 0201643628, có địa chỉ trụ sở tại: số 98 Tổ dân phố Hồng Phong, MĐ, ĐS, Hải Phòng do Phạm Văn C1, ĐKHKT: thôn ĐQ, DT, VB, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại vật tư Hữu Chiến (công ty Hữu Chiến), mã số doanh nghiệp: 0201728751, có địa chỉ trụ sở tại: số 105 tập thể A đường vòng VM, MC, NQ, Hải Phòng do Phạm Văn C2, sinh năm 1991, ĐKHKT: số 13/320 LL, MC, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Đầu tư thương mại vận tải Vinh Nguyễn (công ty Vinh Nguyễn), mã số doanh nghiệp: 0201729071, có địa chỉ trụ sở tại: TN 1, HĐ, ĐS, Hải Phòng do Nguyễn Hiền V, sinh năm 1979, ĐKHKT: số 6/51 đường ĐK, phường ĐK, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại vật tư xây dựng Song Chiến (công ty Song Chiến), mã số doanh nghiệp: 0201751863, có địa chỉ trụ sở tại: số 13/320 LL, MC, NQ, Hải Phòng do Mai Văn C3, sinh năm 1980, ĐKHKT: số 74/37 đường LC, AB, LC, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại vật tư Thu Hiền (công ty Thu Hiền), mã số doanh nghiệp: 0201751983, có địa chỉ trụ sở tại: số 31 lô 1 Thái Phiên, Cầu Tre, NQ, Hải Phòng do Hồ Thu H2, sinh năm 1986, ĐKHKT: P1A B19 Lấp Ghép, Yên Lãng, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại vận tải phát triển Hương Giang (công ty Hương Giang), mã số doanh nghiệp: 0201752458, có địa chỉ trụ sở tại: số 157 đường NQ, MC, NQ, Hải Phòng do Hồ Thị Hương G, sinh năm 1981, ĐKHKT: P506 A2 TT128C Đại La, Đồng Tâm, HBT, Hà Nội đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp vật tư Xuân Thùy (công ty Xuân Thùy), mã số doanh nghiệp: 0201753099, có địa chỉ trụ sở tại: số 7A/120 NQ, MC, NQ, Hải Phòng do Vũ Xuân T3, sinh năm 1992, ĐKHKT: số 27/118 HK, HK, LC, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại vật tư Nguyễn Hồng (công ty Nguyễn Hồng), mã số doanh nghiệp: 0201765898, có địa chỉ trụ sở tại: số 62B/124 NQ, MC, NQ, Hải Phòng do Nguyễn Thị H3; HKTT: tổ 28 cụm 4 phường ĐK, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Thương mại phát triển Hồng Đức (công ty Hồng Đức), mã số doanh nghiệp: 0201765915, có địa chỉ trụ sở tại: số 10/42 đường vòng VM, phường VM, NQ, Hải Phòng do Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1988, ĐKHKT: tổ 28 cụm 4 phường ĐK, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hải Trường (công ty Hải Trường), mã số doanh nghiệp: 0201777678, có địa chỉ trụ sở tại: số 105 đường LKT, phường LKT, NQ, Hải Phòng do Trịnh Thị Thu T4, ĐKHKT: số 105 đường LKT, phường LKT, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

- Công ty TNHH Vận tải và thương mại dịch vụ Hà Hùng (công ty Hà Hùng), mã số doanh nghiệp: 0201777519, có địa chỉ trụ sở tại: số 320 LL, GV, NQ, Hải Phòng do Nguyễn Hà M, ĐKHKT: số 320 LL, GV, NQ, Hải Phòng đứng tên làm giám đốc.

Mặc dù 24 công ty trên không có bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thực tế nhưng Trần Thị Thu H cùng đồng phạm đã ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ và các chứng từ kèm theo với tổng số tiền chưa thuế là 5.879.894.531.012đ, trong đó Trần Thị Thu H cùng đồng phạm đã viết không vào 10.899 số hóa đơn GTGT, tương ứng với số tiền hàng hóa dịch

vụ ghi không chưa thuế là 5.692.308.879.627đ (doanh số còn lại là 187.585.651.385đ do không có báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn với Cơ quan Thuế nên không xác định được số hóa đơn tương ứng). 10.899 số hóa đơn GTGT viết không trên H và đồng phạm đã sử dụng như sau:

+ Trần Thị Thu H cùng đồng phạm đã bán trái phép 10.680 số hóa đơn, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 5.643.712.994.992đ với giá từ 1% đến 1,2% trên tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn (tương ứng từ 10 triệu đồng/1 tỷ đồng đến 12 triệu đồng/01 tỷ đồng), thu được số tiền là: 58.364.748.858đ, cụ thể: 1003 số của công ty Nguyễn Sinh, 477 số của công ty Đạt Huyền, 148 số của công ty Nam Dũng, 527 số của công ty Quốc Phúc, 916 số của công ty Ban Mai, 658 số của công ty Thắng Phát, 208 số của công ty Thúy Lan, 137 số của công ty Thái Hoàng Bảo Minh, 222 số của công ty Sáng Hường, 262 của công ty Thành Sinh, 188 số của công ty Cường Thao, 919 số của công ty Quỳnh Nga, 817 số của công ty Tiên Dương, 135 số của công ty Vinh Nguyễn, 272 số của công ty Phạm Cường, 792 số của công ty Song Chiến, 499 số của công ty Thu Hiền, 521 số của công ty Hương Giang, 644 số của công ty Xuân Thùy, 63 số của công ty Nguyễn Hồng, 207 số của Hải Trường, 1033 số của công ty Hữu Chiến, 32 số của công ty Hà Hùng.

+ 219 số hóa đơn còn lại, Trần Thị Thu H và đồng phạm đã kê khai sử dụng làm đầu vào cho các công ty của mình, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 236.181.536.020đ, cụ thể: công ty Thúy Lan xuất ra 25 tờ cho các công ty Đạt Huyền, Nguyễn Sinh, Quốc Phúc, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 36.582.478.351đ; công ty Nam Dũng xuất ra 21 tờ cho các công ty Ban Mai, Đạt Huyền, Nguyễn Sinh, Thành Sinh, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 25.412.266.803đ; công ty Thái Hoàng Bảo Minh xuất ra 25 tờ cho các công ty Đạt Huyền, Quốc Phúc, Nguyễn Sinh, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 20.855.320.256đ; công ty Nguyễn Sinh xuất ra 26 tờ cho các công ty Ban Mai, Thúy Lan, Nam Dũng, Thắng Phát, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 11.413.750.000đ; công ty Ban Mai xuất ra 48 tờ cho các công ty Đạt Huyền, Nguyễn Sinh, Thúy Lan, Thắng Phát, Quốc Phúc, Thái Hoàng Bảo Minh, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 69.374.930.295đ; công ty Thắng Phát xuất ra 43 tờ cho các công ty Ban Mai, Đạt Huyền, Nguyễn Sinh, Sáng Hường, Quốc Phúc, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 55.688.046.355đ; công ty Quốc Phúc xuất ra 9 tờ cho các công ty Nam Dũng, Sáng Hường, Thái Hoàng Bảo Minh, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 3.515.500.000đ; công ty Đạt Huyền xuất ra 7 tờ cho các công ty Ban Mai, Thái Hoàng Bảo Minh, Thắng Phát, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 2.655.500.000đ; công ty Hữu Chiến xuất ra 10 tờ cho các công ty Vinh Nguyễn, Quốc Phúc, Nguyễn Sinh, Thu Hiền, Hương Giang, ghi không số tiền hàng hóa

dịch vụ chưa thuế là 5.863.540.000đ; công ty Sáng Hưởng xuất ra 04 tờ cho các công ty Nguyễn Sinh, Đạt Huyền, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 4.803.463.960đ; công ty Song Chiến xuất 01 tờ cho công ty Nguyễn Hồng, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 16.740.000đ.

Để hợp thức hóa việc xuất bán trái phép hóa đơn GTGT của 24 công ty trên, Trần Thị Thu H đã kê khai không tổng doanh số đầu vào chưa thuế là 5.840.559.685.769đ, trong đó:

- + H kê khai sử dụng 219 số hóa đơn từ 24 công ty của mình, ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 236.181.536.020đ như trên.

- + Còn lại toàn bộ doanh số ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 5.604.378.149.749đ, H mua trái phép nhiều số hóa đơn kê khai làm đầu vào cho 24 công ty với giá từ 0,8% đến 0,9% trên tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn (tương ứng từ 08 triệu đồng/1 tỷ đồng đến 09 triệu đồng/01 tỷ đồng) hết 48.359.405.585đ, trong đó, Cơ quan điều tra đã làm rõ: Trần Thị Thu H đã mua trái phép 397 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không là 1.092.434.311.704đ gồm: 32 số kê khai cho công ty Nguyễn Sinh, 39 số kê khai cho công ty Đạt Huyền, 45 số kê khai cho công ty Nam Dũng, 69 số kê khai cho công ty Ban Mai, 53 số kê khai cho công ty Thăng Phát, 44 số kê khai cho công ty Thúy Lan, 32 số kê khai cho công ty Thái Hoàng Bảo Minh, 22 số kê khai cho công ty Sáng Hưởng, 61 số kê khai cho công ty Thành Sinh. Còn lại số lượng hóa đơn GTGT tương ứng với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không là 4.511.943.838.045đ được kê khai trong phần đầu vào của 24 công ty trên do không có bảng kê chi tiết nên Cơ quan điều tra chưa xác định được, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Trần Thị Thu H đã nộp các khoản thuế cho 24 công ty trên tổng cộng là 8.584.756.309đ, cụ thể: công ty Đạt Huyền nộp 364.354.884đ, công ty Nguyễn Sinh nộp 705.445.327đ, công ty Quốc Phúc nộp 456.713.260đ, công ty Ban Mai nộp 651.368.227đ, công ty Thăng Phát nộp 588.686.031đ, công ty Tiến Dương nộp 555.308.335đ, công ty Quỳnh Nga nộp 576.353.828đ, công ty Hữu Chiến nộp 1.004.937.849đ, công ty Song Chiến nộp 523.705.971đ, công ty Thu Hiền nộp 343.349.753đ, công ty Hương Giang nộp 378.279.361đ, công ty Xuân Thùy nộp 559.950.317đ, công ty Nguyễn Hồng nộp 80.840.757đ, công ty Hải Trường nộp 260.240.753đ, công ty Hà Hùng nộp 112.934.060đ, công ty Hồng Đức nộp 4.000.000đ, công ty Thành Sinh nộp 242.243.150đ, công ty Sáng Hưởng nộp 249.055.285đ, công ty Phạm Cường nộp 205.886.991đ, công ty Cường Thao nộp 186.518.936đ, công ty Vinh Nguyễn nộp 170.039.482đ, công ty Thúy Lan nộp 158.175.015đ, công ty Nam Dũng nộp 109.062.982đ, công ty Thái Hoàng Bảo Minh nộp 97.305.755đ.

Các chi phí để thành lập và hoạt động cho 24 công ty gồm: Chi phí thành lập công ty tổng cộng 335 triệu (từ 10 đến 15 triệu đồng/công ty), tiền thuê văn phòng 36 triệu, thuê giám đốc 200 triệu, thuê kế toán 211.800.000 đồng (trả lương cho Trần Khánh C và Nguyễn Thị Thanh T 95.400.000 đồng/người, 21 triệu cho một phụ nữ tên Trần Thu Hương (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), in 546 quyển hóa đơn GTGT hết 88.016.000đ, mở tài khoản ngân hàng hết 24.000.000đ, mua các quyền séc hết 7.200.000đ, mua văn phòng phẩm 30 triệu cho 24 công ty trên.

Đối với những người làm giám đốc công ty: Hoàng Văn Bất - Giám đốc công ty Quốc Phúc (giai đoạn đầu) đã chết; Nguyễn Bá Phú - giám đốc Công ty Nguyễn Sinh, Phan Đức T1 - giám đốc công ty Thăng Phát, Đồng Tiến D – giám đốc công ty Tiến Dương khai được những người không rõ nhân thân, lai lịch thuê làm giám đốc thành lập công ty để kinh doanh, sau đó không được cầm giữ con dấu, giấy tờ của công ty và không biết về việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, D được trả 3,5 triệu đồng; T1 được trả 1 triệu đồng, P được trả 03 triệu đồng. Giám đốc 15 công ty: Đạt Huyền, Nam Dũng, Quốc Phúc (giai đoạn sau), Ban Mai, Hữu Chiến, Thúy Lan, Thái Hoàng Bảo Minh, Sáng Hưởng, Thành Sinh, Vinh Nguyễn, Song Chiến, Thu Hiền, Hương Giang, Xuân Thùy, Hồng Đức hiện vắng mặt tại địa phương. Giám đốc 06 công ty: Cường Thao, Quỳnh Nga, Phạm Cường, Nguyễn Hồng, Hải Trường, Hà Hùng chưa xác định được lai lịch, địa chỉ.

Xác minh tại trụ sở các công ty thì chỉ có ông Nguyễn Quang P1 chủ căn nhà số 41 Phương Lưu, VM, NQ, Hải Phòng – trụ sở công ty Tiến D và ông Nguyễn Văn H1 chủ căn nhà số 73 Phương Lưu, VM, NQ – trụ sở công ty Quỳnh Nga đều khai được Trần Thị Thu H thuê nhà trong 03 tháng được trả 09 triệu đồng, có treo biển công ty nhưng không thấy công ty hoạt động gì.

Xác minh tại địa điểm có trụ sở của 22 công ty còn lại không thấy có treo biển của các công ty và không có các công ty có tên trên hoạt động (bút lục 709 đến 721).

Cơ quan điều tra đã xác minh được 102/250 công ty đầu ra của 24 công ty trên trong đó: đại diện 71 công ty trình bày đã mua hàng hóa, dịch vụ có thật, được xuất hóa đơn GTGT và các chứng từ kèm theo; 27 giám đốc công ty vắng mặt tại địa phương; 04 công ty không kê khai sử dụng hóa đơn.

Cơ quan điều tra đã xác minh được 29/34 công ty đầu vào của 24 công ty nêu trên, trong đó: 21 công ty không kê khai xuất bán hóa đơn cho các công ty của Trần Thị Thu H; 12 công ty giám đốc công ty hiện vắng mặt tại địa phương; 02 công ty giám đốc khai được người không rõ nhân thân, lai lịch thuê làm giám đốc thành lập công ty để kinh doanh, sau đó không được cầm giữ con dấu, giấy tờ của công ty và không biết về việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT; 01 công ty giám đốc khai không biết gì về việc mình đứng tên giám đốc công ty.

Xét hỏi, Trần Thị Thu H, Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thu T khai nhận phù hợp với lời khai nhân chứng, người liên quan, tang vật thu được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó đủ cơ sở xác định:

* Về số tiền thu lời bất chính: tại 24 công ty, Trần Thị Thu H đã bán trái phép 10.680 số hóa đơn GTGT, tương ứng với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không là 5.643.712.994.992đ thu được số tiền là: 58.364.748.858đ; Trần Thị Thu H đã mua nhiều hóa đơn GTGT kê khai làm đầu vào có tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa thuế là 5.604.378.149.749đ hết 48.359.405.585đ, trong đó, Cơ quan điều tra đã làm rõ Trần Thị Thu H đã mua trái phép 397 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không là 1.092.434.311.704đ. Sau khi trừ các chi phí: thuê văn phòng, chi phí thành lập công ty mua hóa đơn, nộp thuế, thuê giám đốc, thuê kế toán, in hóa đơn, mua văn phòng phẩm, mua quyền séc, Trần Thị Thu H đã thu lợi bất chính 488.570.964 đồng.

** Đối với Trần Khánh C:*

Để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT và các chứng từ kèm theo tại 24 công ty trên, Trần Thị Thu H đã thuê Trần Khánh C làm kế toán thực hiện các công việc: đặt in các quyền hóa đơn, viết hóa đơn GTGT, làm và nộp Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào bán ra, giao hóa đơn, quản lý và sử dụng các bộ con dấu, hóa đơn, chứng từ liên quan. Từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2018, C đã thực hiện các công việc kế toán tại 24 công ty trên, giúp sức cho Trần Thị Thu H bán trái phép 10.680 số hóa đơn GTGT và được H trả lương 95.400.000đ. Quá trình giúp sức cho H, C đã mua 01 máy tính xách tay và văn phòng phẩm hết 17.000.000đ. Mặc dù biết các công ty trên không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên thực tế mà chỉ có hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT, nhưng C vẫn thực hiện các hành vi giúp sức cho bị can H thực hiện hành vi phạm tội.

** Đối với Nguyễn Thị Thanh T:*

Để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT và các chứng từ kèm theo tại 24 công ty trên, Trần Thị Thu H đã thuê Nguyễn Thị Thanh T làm kế toán ngân hàng thực hiện các công việc: mở tài khoản ngân hàng, mua các quyền séc, quản lý và sử dụng các chứng từ ngân hàng như ủy nhiệm chi, séc, viết nội dung vào các tờ ủy nhiệm chi, tờ séc, rút và chuyển tiền, giao hóa đơn. Ngoài ra, T còn giúp H tìm thuê người đứng tên giám đốc cho 06 công ty trong số 24 công ty, chuyển trả tiền cho người làm thủ tục thành lập 24 công ty. Từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2018, T đã thực hiện rút và chuyển toàn bộ số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi không xuất ra tại 24 công ty là 5.879.894.531.012đ, tiền thuế 10% là 587.989.451.101đ, tổng số tiền đã giao dịch là 6.467.883.984.113đ, trong đó xác định được doanh số chưa thuế ghi không là 5.692.308.879.627đ tương ứng với

10.899 số hóa đơn GTGT (doanh số còn lại là 187.585.651.385đ do không có báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn nên không xác định được số hóa đơn tương ứng). T đã giúp sức cho Trần Thị Thu H bán trái phép 10.680 số hóa đơn GTGT và được H trả lương 95.400.000đ. Quá trình giúp sức cho H, T đã mở tài khoản ngân hàng hết 15.000.000đ. Mặc dù biết 24 công ty trên không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên thực tế mà chỉ có hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT, nhưng T vẫn thực hiện các hành vi giúp sức cho bị can H thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015; các bị cáo Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thu T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm b, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Trần Thị Thu H; xử phạt: Từ 24 tháng đến 30 tháng tù

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 203; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thanh T; xử phạt:

Trần Khánh C: Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng

Nguyễn Thị Thanh T: Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bổ sung quan điểm của Luật sư và không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị

cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Thu H, Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thu T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2018, Trần Thị Thu H đã thành lập 24 Công ty. Các công ty do H thành lập đều không có bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thực tế nhưng lại ghi khống 10.899 số hóa đơn GTGT nhằm mục đích mua, bán trái phép hóa đơn để kiếm lời. Cụ thể: Trần Thị Thu H đã bán trái phép 10.680 số hóa đơn GTGT của 24 công ty ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 5.643.712.994.992 đồng, thu được số tiền 58.364.748.858 đồng; sử dụng 219 số hóa đơn còn lại đã ghi khống để kê khai làm đầu vào cho các công ty của mình; mua trái phép 397 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 1.092.434.311.704 đồng, với giá mua là 48.359.405.585 đồng để kê làm đầu vào. Sau khi trừ đi các chi phí như thuê người làm giám đốc, thuê kế toán, tiền thuế, thuê văn phòng, in hóa đơn, mở tài khoản ngân hàng, in séc và văn phòng phẩm hết số tiền 9.516.773.309 đồng, H còn thu lợi bất chính được số tiền 488.570.964 đồng.

[4] Để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT và các chứng từ kèm theo, Trần Thị Thu H đã thuê Nguyễn Thị Thanh T và Trần Khánh C làm kế toán. Mặc dù, C và T đều biết các Công ty do T thành lập đều không có hoạt động sản xuất kinh doanh trên thực tế mà chỉ hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT nhưng T, C đều vẫn thực hiện các hành vi giúp sức cho H trong việc bán 10.680 số hóa đơn GTGT và được H trả công cho mỗi người là 95.400.000 đồng, T đã chi 15.000.000 đồng để mở tài khoản ngân hàng giúp H; C đã chi 17.000.000 đồng để mua máy tính và văn phòng phẩm phục vụ cho việc mua bán trái phép hóa đơn nên bị cáo C còn hưởng lợi 78.400.000 đồng, bị cáo T còn hưởng lợi 80.400.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo Trần Thị Thu H, Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thanh T đều đồng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ, thu nộp ngân sách Nhà nước” theo Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước; vì vậy phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[6] Các bị cáo Trần Thị Thu H, Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thanh T đã bán trái phép 10.680 số hóa đơn GTGT; mua để kê làm đầu vào 397 số hóa đơn GTGT,

đây là số lượng hóa đơn, chứng từ đặc biệt lớn. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2018, các bị cáo đã trên 5 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn; các bị cáo đều không có công việc gì khác, việc mua bán trái phép hóa đơn là nguồn thu nhập để sống chính của các bị cáo nên hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất chuyên nghiệp. Do đó, các bị cáo đều bị xét xử theo điểm b, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính, bị cáo C được hưởng lợi 78.400.000 đồng, bị cáo T được hưởng lợi 80.400.000 đồng, bị cáo H được hưởng lợi 488.570.964 đồng (trên 100.000.000 đồng) nên bị cáo H phải bị xét xử thêm theo điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo kéo dài từ trước đến sau khi Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật, theo khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015 đều quy định hình phạt nặng nhất đều là tù có thời hạn và mức hình phạt tù ngang nhau nhưng khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015 còn quy định loại hình phạt chính khác nhẹ hơn (phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng) nên nhẹ hơn so với khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự 1999. Vì vậy, theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, bị cáo Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thu T bị xét xử theo điểm b, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo Trần Thị Thu H bị xét xử theo các điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] + *Về vai trò:*

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị Thu H có vai trò cao nhất, là người chủ mưu, khởi xướng, trực tiếp chỉ đạo và thuê các bị cáo khác thực hiện, giúp sức cho mình trong việc mua bán trái phép hóa đơn. Bị cáo Trần Khánh C, Nguyễn Thị Thanh T là người giúp sức, đều làm thuê và được bị cáo H trả công ngang nhau, các công việc các bị cáo làm đều tương đương nhau nên vai trò của các bị cáo C, T là ngang nhau và thấp hơn bị cáo H.

+ Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Bị cáo C, T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo H đã có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” (Án số 287/2012/HSST ngày 15/6/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2011 kéo dài đến tháng 7/2018, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo cần xác định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội từ trước khi Bản án số 287/2012/HSST có hiệu lực pháp luật nên không xác định lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm; đồng thời, mặc dù trong thời gian thử thách bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội nhưng hành vi phạm tội bắt đầu của bị cáo thực hiện trước khi bản án có hiệu lực pháp luật nên theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì trong trường hợp này chỉ quyết định hình phạt đối với tội phạm đó và không tổng hợp hình phạt với bản án cho hưởng án treo (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù treo). Do đó, đối với tiền án

của bị cáo không làm căn cứ để xác định tái phạm hay tổng hợp hình phạt, tiền án này mặc dù đã được xóa nhưng cần xem xét bị cáo H có nhân thân xấu; Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” đối với bị cáo H.

[11] Các bị cáo sau khi bị bắt đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình phạm tội từ năm 2011 đến năm 2018, các bị cáo đều có thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; đồng thời các bị cáo đều đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

+ Về hình phạt:

[12] Bị cáo H có vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng, điều hành việc mua bán trái phép hóa đơn, nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án đã được xóa về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[13] Các bị cáo C, T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có vai trò thứ yếu trong vụ án, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, có thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo. Bên cạnh đó, các bị cáo C, T có đơn đề nghị được hưởng hình phạt tiền và tại phiên tòa, mỗi bị cáo tự nguyện nộp số tiền 200.000.000 đồng để đảm bảo chấp hành nếu được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

- Về thu lợi bất chính:

[14] Bị cáo Trần Thị Thu H được hưởng lợi số tiền 488.570.964 đồng; bị cáo Trần Khánh C được hưởng lợi số tiền 78.400.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Thanh T được hưởng hưởng lợi số tiền 80.400.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo được hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội của mình nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước. Tại giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

[15] Đối với những người làm giám đốc công ty (ông Nguyễn Bá P, anh Phan Đức T1, anh Đồng Tiến D) và những người chủ nhà được bị cáo thuê nhà làm trụ sở công ty (ông Nguyễn Quang P1 và anh Nguyễn Văn Hà) đều không biết về việc mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo nên không buộc những người này phải nộp lại số tiền đã được bị cáo H trả công và trả tiền.

- Về xử lý vật chứng:

[16] Đối với 18 dấu tròn của các công ty; 18 dấu chức danh của các giám đốc công ty; 04 dấu chữ ký; 08 chữ ký số và 158 quyền hóa đơn GTGT chưa sử dụng của các công ty: Đây là các con dấu, quyền hóa đơn chưa được sử dụng của các công ty do bị cáo thành lập nhằm mục đích mua bán trái phép hóa đơn xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy

[17] Đối với 98 quyền hóa đơn GTGT đã sử dụng của các công ty: Xét thấy các bị cáo đã sử dụng các quyền hóa đơn này vào việc mua bán trái phép hóa đơn,

đây là chứng cứ để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chuyển và lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[18] Đối với 01 máy tính xách tay thu giữ của bị cáo Trần Thị Thu H, 01 điện thoại Samsung màu vàng thu giữ của bị cáo Trần Khánh C; 01 điện thoại OPPO màu trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: Các máy tính và điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc mua bán hóa đơn, xét vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước.

[19] Đối với số tiền 647.370.964 đồng, trong đó, thu giữ bị cáo H nộp 488.570.964 đồng; bị cáo C nộp 78.400.000 đồng, bị cáo T nộp 80.400.000 đồng: Đây là tiền các bị cáo nộp lại các khoản thu lợi bất chính nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[20] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Trần Thị Thu H; xử phạt: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 24/7/2018 đến ngày 21/9/2018)

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đối với bị cáo Trần Thị Thu H để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 203; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Trần Khánh C; xử phạt: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Bị cáo Trần Khánh C đã nộp toàn bộ số tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0005992 ngày 21/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 203; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T; xử phạt: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã nộp toàn bộ số tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0005993 ngày 21/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Khánh C và hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 18 (Mười tám) dấu tròn của các công ty; 18 (Mười tám) dấu chức danh của các giám đốc công ty; 04 (Bốn) dấu chữ ký; 08 (Tám) chữ ký số và 158 (Một trăm năm mươi tám) quyền hóa đơn GTGT chưa sử dụng của các công ty.

- Chuyển cho Tòa án để lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 98 (Chín mươi tám) quyền hóa đơn GTGT đã sử dụng của các công ty.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 02 (Hai) điện thoại di động và 01 (Một) máy tính xách tay.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 647.370.964 (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, chín trăm sáu mươi tư) đồng.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 24/04/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 07 ngày 04/5/2019 và các biên lai thu tiền số 0000225, 0000226, 0000227 ngày 12/7/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiêm

